



ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pháp lệnh số: 02/2026/UBTVQH16

PHÁP LỆNH

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA PHÁP LỆNH TRÌNH TỰ,
THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP
XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 88/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 120/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15;

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân số 03/2022/UBTVQH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa đi cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là biện pháp xử lý hành chính); trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại; khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm các nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đối với người chưa thành niên còn phải tiến hành nhanh chóng, kịp thời, bảo đảm thủ tục thân thiện, phù hợp với tâm lý, giới, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của họ và bảo đảm nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Tòa án nhân dân khu vực nơi có trụ sở cơ quan của Trưởng Công an cấp xã đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (sau đây gọi là người đề nghị) có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh) có thẩm quyền xét lại quyết định của Tòa án nhân dân khu vực bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Sau khi nhận được thông báo thụ lý hồ sơ của Tòa án cùng cấp, Viện kiểm sát có quyền nghiên cứu hồ sơ vụ việc tại Tòa án đã thụ lý, có quyền sao chụp hồ sơ vụ việc đó; nhận hồ sơ vụ việc bằng phương tiện điện tử trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6a của Pháp lệnh này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 6 như sau:

“5. Định kỳ hằng năm gửi báo cáo về công tác xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của các Tòa án đến Bộ Tư pháp; chỉ đạo Tòa án nhân dân các cấp thực hiện việc báo cáo, cung cấp thông tin về việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

6. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

“Điều 6a. Phương thức gửi, giao, nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu

1. Việc gửi, giao, nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu trong quá trình Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo phương thức sau đây:

- a) Trực tiếp;
- b) Dịch vụ bưu chính;
- c) Phương tiện điện tử.

2. Trường hợp văn bản, hồ sơ, tài liệu được gửi, giao, nhận bằng phương tiện điện tử thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện khoản này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thời hạn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (sau đây gọi là hồ sơ đề nghị), Tòa án phải ra một trong

các quyết định quy định tại điểm h khoản 3 Điều 21 của Pháp lệnh này; đối với vụ việc cần có thời gian kiểm tra, đánh giá, tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn hoặc các vụ việc phức tạp khác thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Khi nhận được hồ sơ đề nghị, Tòa án phải vào sổ giao nhận. Trường hợp hồ sơ đề nghị không đủ tài liệu theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, Tòa án trả lại hồ sơ đề nghị và nêu rõ lý do bằng văn bản.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Thông báo về việc thụ lý hồ sơ đề nghị

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ đề nghị, Tòa án phải thông báo bằng văn bản về việc thụ lý hồ sơ đề nghị cho người đề nghị, người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên, người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị (nếu có) và Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Văn bản thông báo phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ban hành văn bản thông báo;
- b) Tên Tòa án đã thụ lý hồ sơ đề nghị;
- c) Số, ngày, tháng, năm thụ lý hồ sơ đề nghị;
- d) Họ và tên, chức vụ, tên cơ quan của người đề nghị; họ và tên người được ủy quyền (nếu có);
- đ) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú; số định danh cá nhân, căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu của người bị đề nghị;
- e) Biện pháp được đề nghị áp dụng.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thẩm phán được phân công phải kiểm tra hồ sơ đề nghị về các nội dung sau đây:

- a) Tài liệu trong hồ sơ đề nghị theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy;
- b) Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy;
- c) Đối tượng bị đề nghị, thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày được phân công, căn cứ vào kết quả kiểm tra hồ sơ, Thẩm phán phải quyết định về một trong các nội dung sau đây:

a) Yêu cầu bổ sung tài liệu;

b) Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Việc cung cấp tài liệu có thể được thực hiện bằng phương thức theo quy định tại Điều 6a của Pháp lệnh này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“3. Thời hạn bổ sung tài liệu là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; đối với vụ việc cần có thời gian kiểm tra, đánh giá, tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn hoặc vụ việc phức tạp khác thì Thẩm phán có thể quyết định thời hạn bổ sung tài liệu là không quá 03 ngày làm việc. Người được yêu cầu phải gửi tài liệu bổ sung cho Tòa án; trường hợp không bổ sung được tài liệu thì phải trả lời hoặc giải trình bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Thẩm phán ra quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Hết thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy;

b) Người bị đề nghị đã chết;

c) Người bị đề nghị không thuộc đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy;

d) Người bị đề nghị thuộc trường hợp không áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy;

đ) Người đề nghị rút đề nghị;

e) Người bị đề nghị đã có bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đối với hành vi bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

g) Người bị đề nghị đang chấp hành hình phạt tù, đang chờ chấp hành hình phạt tù hoặc hình phạt tử hình theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

h) Người bị đề nghị mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản trở lên.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp, Tòa án phải mở phiên họp xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung chính sau đây:

a) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú; số định danh cá nhân, căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu của người bị đề nghị; họ và tên, nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị (nếu có);

b) Họ và tên, nơi cư trú của cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên;

c) Họ và tên, chức vụ, tên cơ quan của người đề nghị; họ và tên người được ủy quyền (nếu có);

d) Biện pháp được đề nghị áp dụng;

đ) Ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp trực tiếp hoặc trực tuyến;

e) Họ và tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp;

g) Họ và tên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;

h) Họ và tên người phiên dịch (nếu có);

i) Họ và tên những người khác được yêu cầu tham gia phiên họp (nếu có).

3. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước khi mở phiên họp, quyết định mở phiên họp phải được gửi cho những người quy định tại các điểm a, b, c, g, h và i khoản 2 Điều này và Viện kiểm sát cùng cấp.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Trường hợp cần thiết, Tòa án yêu cầu người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị đề nghị làm việc, đại diện nhà trường nơi người bị đề nghị học tập, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận nơi người bị đề nghị cư trú và những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan.

Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã tham gia phiên họp theo quy định của Luật Trẻ em.”.

16. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Người tham gia phiên họp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Pháp lệnh này phải có mặt tại phiên họp; trường hợp người đề nghị hoặc người được ủy quyền vắng mặt thì Tòa án hoãn phiên họp.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Thời hạn hoãn phiên họp không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo hoãn. Tòa án phải thông báo về việc hoãn phiên họp cho những người tham gia phiên họp quy định tại khoản 1 Điều này và nêu rõ lý do hoãn, thời gian mở lại phiên họp. Đối với người vắng mặt tại phiên họp thì ngay sau khi hoãn phiên họp, Tòa án phải gửi ngay thông báo bằng văn bản cho họ.”.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 21 như sau:

“2. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp tiến hành các công việc sau đây:

a) Kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án yêu cầu tham gia phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thẩm phán để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp;

b) Phổ biến nội quy phiên họp.

3. Thủ tục phiên họp được thực hiện như sau:

a) Thẩm phán tuyên bố khai mạc phiên họp;

b) Thẩm phán giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia phiên họp. Trường hợp có yêu cầu thay đổi Thẩm phán, Thư ký phiên họp thì Thẩm phán phải xem xét; nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này thì tạm dừng phiên họp và báo cáo Chánh án Tòa án xem xét, quyết định. Trường hợp phải thay đổi Thẩm phán thì hoãn phiên họp, thay đổi Thư ký phiên họp mà không có Thư ký khác thay thế thì hoãn phiên họp. Việc hoãn phiên họp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Pháp lệnh này;

c) Người đề nghị hoặc người được ủy quyền trình bày nội dung đề nghị;

d) Người bị đề nghị, người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị (nếu có), cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên trình bày ý kiến về nội dung đề nghị;

đ) Những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan;

e) Thẩm phán điều hành việc hỏi, việc tranh luận để làm rõ các vấn đề có liên quan tại phiên họp. Người tham gia tranh luận có quyền đối đáp lại ý kiến của người khác. Thẩm phán tiến hành phiên họp không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho họ tranh luận, trình bày hết ý kiến; có quyền yêu cầu dừng những ý kiến không liên quan đến vụ việc hoặc ý kiến lặp lại;

g) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Pháp lệnh này;

h) Thẩm phán quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 16 của Pháp lệnh này và công bố nội dung quyết định ngay tại phiên họp.

Trường hợp Thẩm phán quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng để thay thế cho biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì công bố quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng.”.

18. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và khoản 6 Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu Điều 23 như sau:

“Các quyết định quy định tại điểm h khoản 3 Điều 21 của Pháp lệnh này phải có các nội dung chính sau đây:”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính; số định danh cá nhân, căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu; nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người bị đề nghị; họ và tên, nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị (nếu có), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực pháp luật được gửi cho người bị áp dụng, người đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng còn được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc có hiệu lực pháp luật để thi hành còn được gửi cho Giám đốc Công an cấp tỉnh.

Việc gửi quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng có hiệu lực pháp luật để thi hành được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

20. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Khi có một trong các căn cứ hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; đưa đi cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền nộp đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Đơn đề nghị và các tài liệu kèm theo được gửi cho Tòa án theo quy định tại Điều 6a của Pháp lệnh này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:

“e) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính; số định danh cá nhân, căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu; nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; họ và tên, nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của họ (nếu có);”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Quyết định về việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 32 của Pháp lệnh này mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định; người đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; người phải chấp hành quyết định; cha mẹ, người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên; Viện kiểm sát cùng cấp; Trưởng Công an cấp xã nơi người phải chấp hành cư trú theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.”.

21. Sửa đổi, bổ sung tên điều và một số khoản của Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 28 như sau:

“Điều 28. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc còn lại”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính thuộc trường hợp được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính được Tòa án xét giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc còn lại trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc gửi văn bản đề nghị cho Tòa án nơi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc có trụ sở kèm theo bản sao quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, tài liệu chứng minh người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính thuộc một trong các trường hợp được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 như sau:

“5. Quyết định về việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại có các nội dung chính sau đây:

a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Họ và tên Thẩm phán;

d) Họ và tên, chức vụ của người có văn bản đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này;

đ) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính; số định danh cá nhân, căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu; nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

e) Lý do, căn cứ ra quyết định;

g) Quyết định của Thẩm phán về việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại;

h) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành quyết định;

i) Quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định;

k) Hiệu lực của quyết định;

l) Nơi nhận quyết định.

6. Quyết định về việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc còn lại có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 32 của Pháp lệnh này mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và phải được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, người được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Trưởng Công an cấp xã, Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.”.

22. Bổ sung Điều 28a vào sau Điều 28 như sau:

“Điều 28a. Tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc còn lại

1. Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc thuộc trường hợp được tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy được Tòa án xét tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng

biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc còn lại trên cơ sở đề nghị của Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

2. Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy công lập gửi văn bản đề nghị cho Tòa án nơi cơ sở cai nghiện ma túy công lập có trụ sở kèm theo bản sao quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc, tài liệu chứng minh người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc thuộc một trong các trường hợp được tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Trình tự, thủ tục Tòa án xem xét tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc còn lại thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 28 của Pháp lệnh này.

4. Quyết định về việc tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 32 của Pháp lệnh này mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và phải được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp; Công an cấp xã, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đã đề nghị; Công an cấp xã nơi người đó cư trú; người phải chấp hành quyết định trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.”.

23. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng không còn hoặc người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc không còn hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy thì Trưởng Công an cấp xã nơi người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú phải gửi văn bản thông báo cho Tòa án đã ra quyết định.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

“d) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính; số định danh cá nhân, căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu; nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;”.

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án

1. Thời hạn khiếu nại là 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án công bố quyết định. Trường hợp người có quyền khiếu nại vắng mặt tại phiên họp hoặc trường

hợp Tòa án không mở phiên họp và ra quyết định mà Pháp lệnh này quy định được quyền khiếu nại đối với quyết định đó thì thời hạn khiếu nại là 03 ngày làm việc kể từ ngày người có quyền khiếu nại nhận được quyết định của Tòa án.

Trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hạn thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan đó không tính vào thời hạn khiếu nại.

2. Thời hạn kiến nghị, kháng nghị là 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án công bố quyết định. Trường hợp Tòa án không mở phiên họp và ra quyết định mà Pháp lệnh này quy định được quyền kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định đó thì thời hạn kiến nghị, kháng nghị là 03 ngày làm việc kể từ ngày người có quyền kiến nghị, kháng nghị nhận được quyết định của Tòa án.”.

25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị, Tòa án nhân dân khu vực đã ra quyết định bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị phải gửi đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị kèm theo hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; đồng thời, thông báo bằng văn bản về việc khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị cho cá nhân, cơ quan có liên quan và Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị kèm theo hồ sơ, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, người kiến nghị và Viện kiểm sát cùng cấp.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị có sự tham gia của những người sau đây:

a) Người bị đề nghị, người khiếu nại; người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị (nếu có); người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;

b) Người đề nghị hoặc người được ủy quyền;

c) Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp;

d) Trường hợp cần thiết, Tòa án yêu cầu người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị đề nghị làm việc, đại diện nhà trường nơi người bị đề nghị học tập, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận nơi người bị đề nghị cư trú và những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã tham gia phiên họp theo quy định của Luật Trẻ em.”.

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 35 như sau:

“3. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán tuyên bố khai mạc phiên họp;

b) Thẩm phán giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia phiên họp. Trường hợp có yêu cầu thay đổi Thẩm phán, Thư ký phiên họp thì Thẩm phán phải xem xét; nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này thì tạm dừng phiên họp và báo cáo Chánh án Tòa án xem xét, quyết định. Trường hợp phải thay đổi Thẩm phán thì hoãn phiên họp, thay đổi Thư ký phiên họp mà không có Thư ký khác thay thế thì hoãn phiên họp. Việc hoãn phiên họp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Pháp lệnh này;

c) Người khiếu nại trình bày nội dung khiếu nại; người kiến nghị hoặc người được ủy quyền trình bày nội dung kiến nghị; Kiểm sát viên trình bày nội dung kháng nghị;

d) Người bị đề nghị, người đại diện hợp pháp của họ (nếu có) trình bày ý kiến về nội dung kiến nghị, kháng nghị; người đề nghị hoặc người được ủy quyền trình bày ý kiến về nội dung khiếu nại, kháng nghị;

đ) Những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan;

e) Thẩm phán điều hành việc hỏi, việc tranh luận để làm rõ các vấn đề có liên quan tại phiên họp. Người tham gia tranh luận có quyền đối đáp lại ý kiến của người khác. Thẩm phán tiến hành phiên họp không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho họ tranh luận, trình bày hết ý kiến; có quyền yêu cầu dừng những ý kiến không liên quan đến vụ việc hoặc ý kiến lặp lại;

g) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xem xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của Pháp lệnh này.”.

27. Sửa đổi, bổ sung các khoản 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 36 như sau:

“8. Hủy quyết định hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân khu vực và buộc chấp hành biện pháp xử lý hành chính khi không có căn cứ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy.

9. Hủy quyết định không chấp nhận việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân khu vực và chấp nhận đề nghị cho hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có căn cứ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy.

10. Hủy quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án nhân dân khu vực khi quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian

áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại không có căn cứ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy, Điều 28 và Điều 28a của Pháp lệnh này.

11. Hủy quyết định không chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án nhân dân khu vực và quyết định việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại khi có căn cứ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy, Điều 28 và Điều 28a của Pháp lệnh này.

12. Hủy quyết định buộc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân khu vực khi không có căn cứ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy và Điều 29 của Pháp lệnh này.”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Đối với vụ việc đã được Tòa án nhân dân khu vực thụ lý, giải quyết theo quy định tại Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15 mà đến ngày 01 tháng 7 năm 2026 chưa kết thúc thì tiếp tục áp dụng quy định của Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15 để xem xét, giải quyết cho đến khi kết thúc vụ việc.

Đối với vụ việc đã được Tòa án nhân dân khu vực giải quyết theo quy định của Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15 mà có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị thì từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15.

3. Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh này.

Pháp lệnh này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Phiên họp thứ 3, thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2026.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn